TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2024
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Hiền và bà Bùi Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: ông Triệu Sinh Thuỷ, là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 320/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Vũ Thị Minh G, sinh năm 1993; nơi cư trú: tổ E, khu E, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Thế N, sinh năm 1991; nơi cư trú: tổ E, khu E, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Minh G trình bày:

Về tình cảm: chị Vũ Thị Minh G và anh Nguyễn Thế N kết hôn với nhau ngày 22/12/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống, anh N đánh, chửi mắng, xúc phạm chị, không tôn trọng chị và gia đình bên ngoại. Mặt khác, anh N không cùng chị chăm lo cuộc sống gia đình. Chị G và anh N đã sống ly thân từ tháng 9 năm

2023 đến nay (chị G ở trọ tại địa chỉ: tổ E, khu F, phường C, thành phố H). Trong thời gian sống ly thân, chị và anh N không còn liên hệ, quan tâm đến nhau. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị G ly hôn với anh N.

Về con chung: chị G và anh N có 02 con chung là Nguyễn Tiến C, sinh ngày 07/12/2015 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 27/8/2019. Chị G đề nghị Tòa án giải quyết: chị G nuôi con chung Nguyễn Trà M, còn anh N nuôi con chung Nguyễn Tiến C; về cấp dưỡng nuôi con chung: chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Thế N: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, Thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định pháp luật nhưng anh N không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án gửi cho Toà án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật;

+ Các đương sự: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án. Do vậy, anh N đã cố tình vắng mặt là vi phạm về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Minh G: xử cho chị Vũ Thị Minh G ly hôn với anh Nguyễn Thế N.

Về con chung: giao con chung Nguyễn Trà M, sinh ngày 27/8/2019 cho chị G được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Nguyễn Trà M thành niên (đủ 18 tuổi); giao con chung Nguyễn Tiến C, sinh ngày 07/12/2015 cho anh N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cho đến khi Nguyễn Tiến C thành niên (đủ 18 tuổi); về cấp dưỡng nuôi con chung: chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: chị G không đề nghị giải quyết, nên không xét.

* Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh;

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), 01 căn cước công dân (bản sao), 01 Giấy khai sinh (bản sao), 01 Trích lục khai sinh (bản chính), 01 đơn trình bày nguyện vọng (bản chính), sao kê chi tiết giao dịch (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: không có.

* Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: về việc chị G và anh N đăng ký kết hôn hợp pháp; về con chung.

* Nội dung các đương sự đã thỏa thuận thống nhất được: không.

* Nội dung các đương sự không thống nhất được: toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Minh G về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H. Nên, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

Đối với nguyên đơn chị Vũ Thị Minh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa và chị G đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với việc tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập cho anh N thì Toà án đã lập biên bản giao cho tổ trưởng và yêu cầu tổ trưởng cam kết giao lại tận tay ngay các văn bản tố tụng đó cho anh N, bảo đảm quy

định về thủ tục cấp tống đạt, thông báo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Vũ Thị Minh G, các tài liệu chứng cứ do chị G cung cấp và Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định:

Chị G và anh N kết hôn với nhau ngày 22/12/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa chị G và anh N là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Biên bản xác minh ngày 27/12/2023, tại tổ E, khu E, phường H, thành phố H thể hiện nội dung: chị G và anh N sau khi kết hôn thì sinh sống tại tổ E, khu E, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống với nhau hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị G và anh N là do khó khăn về kinh tế, anh N thường hay rượu chè, có lúc xô xát với vợ. Hiện nay, chị G và anh N đã sống ly thân.

Ngoài ra, Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Thế N tham gia tố tụng nhưng anh N đều vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị G.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh N đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và việc anh N không chấp hành theo triệu tập của Tòa án thể hiện việc anh N không có thiện chí muốn bảo vệ quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị G. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G: xử cho chị G ly hôn với anh N.

Về con chung: căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: chị G và anh N có 02 con chung là Nguyễn Tiến C, sinh ngày 07/12/2015 và Nguyễn Trà M, sinh ngày 27/8/2019. Quá trình chị G và anh N sống ly thân, do anh N không đồng ý cho chị G đưa con đi cùng nên hai cháu Nguyễn Trà M và Nguyễn Tiến C vẫn đang ở cùng với anh N tại tổ E, khu E, phường H, thành phố H .

Đến nay, chị G đề nghị được quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Trà M và đề nghị giao con chung Nguyễn Tiến C cho anh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh N đều không có mặt nên Tòa án không thể lấy được lời khai và anh N cũng không gửi văn bản cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Tiến C thì cháu C có nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn. Đối với con chung Nguyễn Trà M là con gái, hơn nữa cháu M tuổi còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu về người trực tiếp nuôi con như nêu trên của nguyên đơn: cần giao con chung Nguyễn Tiến C cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung Nguyễn Trà M cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị G không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: chị G không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Về án phí: chị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Minh G.

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Vũ Thị Minh G ly hôn với anh Nguyễn Thế N.

Về con chung: giao con chung Nguyễn Tiến C, sinh ngày 07/12/2015 cho anh Nguyễn Thế N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); giao con chung Nguyễn Trà M, sinh ngày 17/8/2019 cho chị Vũ Thị Minh G được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi);

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Vũ Thị Minh G không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: chị Vũ Thị Minh G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng

án phí chị G đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000109 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Hạ Long;
- Chi cục THA Dân sự tp Hạ Long;
- UBND phường Hà Lầm, tp Hạ Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Ngọc An